

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Văn phòng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Bá	Thành viên
Ông Phan Công Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Phương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Phương	Quyền Tổng Giám đốc
Ông Tạ Khả Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Hồng Hải	Trưởng ban
Ông Trịnh Thanh Tùng	Kiểm soát viên
Ông Nguyễn Văn Hiền	Kiểm soát viên

Kế toán trưởng

Ông Lâm Trúc Sơn	Kế toán trưởng
------------------	----------------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện phát sinh nào khác sau ngày 31/12/2019 có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, quy định về quản trị Công ty tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Phương
Q. Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Số: 130/2020/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26/03/2020, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế; tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Công việc kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính theo các thủ tục kiểm toán thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. Công việc này chỉ thực hiện được khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù và chi tiết hơn áp dụng riêng cho công tác kiểm toán quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2018 của Văn phòng Công ty được kiểm toán và Kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác, các kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán và kết luận chấp nhận toàn phần trên Báo cáo kiểm toán tại ngày 11/03/2019.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0666-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Lê Quang Nghĩa

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 3660-2017-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		236.132.099.760	183.759.322.330
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	13.696.547.566	3.651.236.750
Tiền	111		11.666.352.288	3.651.236.750
Các khoản tương đương tiền	112		2.030.195.278	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	13	8.787.350.000	8.787.350.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		8.787.350.000	8.787.350.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		212.770.409.853	168.860.676.779
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	16.991.843.461	9.280.031.672
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.811.900.549	3.748.418.989
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		178.513.242.652	149.401.907.294
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	14.611.718.428	8.098.909.912
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(2.158.295.237)	(1.668.591.088)
Hàng tồn kho	140	9	740.789.293	367.984.476
Hàng tồn kho	141		740.789.293	367.984.476
Tài sản ngắn hạn khác	150		137.003.048	2.092.074.325
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	137.003.048	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.092.074.325
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		343.223.410.079	339.488.353.801
Các khoản phải thu dài hạn	210		329.342.547.282	323.342.547.282
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		295.979.062.282	295.979.062.282
Phải thu nội bộ dài hạn	214		33.300.000.000	27.300.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	7	63.485.000	63.485.000
Tài sản cố định	220		8.114.888.674	9.217.335.315
Tài sản cố định hữu hình	221	10	8.089.688.674	9.141.735.315
- Nguyên giá	222		14.579.640.677	15.223.273.404
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.489.952.003)	(6.081.538.089)
Tài sản cố định vô hình	227	11	25.200.000	75.600.000
- Nguyên giá	228		252.000.000	252.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(226.800.000)	(176.400.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		5.237.120.330	6.504.030.077
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	5.237.120.330	6.504.030.077
Tài sản dài hạn khác	260		528.853.793	424.441.127
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	528.853.793	424.441.127
TỔNG TÀI SẢN	270		579.355.509.839	523.247.676.131

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		272.100.519.517	255.200.687.215
Nợ ngắn hạn	310		48.952.965.525	70.429.461.155
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	931.267.397	3.435.320.833
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		90.000.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	599.118.874	-
Phải trả người lao động	314		1.041.673.617	1.039.718.709
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	3.946.848.403	1.949.638.997
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		35.301.186.027	30.988.972.492
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	165.840.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	6.647.410.711	27.511.189.628
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	221.136.073	5.496.136.073
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.484.423	8.484.423
Nợ dài hạn	330		223.147.553.992	184.771.226.060
Phải trả nội bộ dài hạn	335		127.446.030.362	113.606.030.362
Phải trả dài hạn khác	337	18	20.484.202.102	20.023.518.102
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	75.217.321.528	51.141.677.596
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		307.254.990.322	268.046.988.916
Vốn chủ sở hữu	410	20	307.254.990.322	268.046.988.916
Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.281.179.597	275.281.179.597
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.281.179.597	275.281.179.597
Quỹ đầu tư phát triển	418		646.231.180	646.231.180
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.327.579.545	(7.880.421.861)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(7.880.421.861)	3.683.145.950
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		39.208.001.406	(11.563.567.811)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		579.355.509.839	523.247.676.131

Người lập biểu



Thái Thị Mỹ Linh

Kế toán trưởng



Lâm Trúc Sơn

Cần Thơ, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Q. Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã Thuyết		Năm 2019	Năm 2018
	số	minh	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	69.673.903.916	20.088.644.830
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		69.673.903.916	20.088.644.830
Giá vốn hàng bán	11	22	26.033.681.422	16.727.053.017
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		43.640.222.494	3.361.591.813
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.236.968.843	1.490.806.828
Chi phí tài chính	22	24	-	60.022.521
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	57.522.521
Chi phí bán hàng	25	25	221.706.962	998.283.032
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	15.326.509.851	15.973.414.985
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.328.974.524	(12.179.321.897)
Thu nhập khác	31		8.987.522.103	615.754.805
Chi phí khác	32		108.495.221	719
Lợi nhuận khác	40		8.879.026.882	615.754.086
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		39.208.001.406	(11.563.567.811)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		39.208.001.406	(11.563.567.811)

Người lập biểu

Thái Thị Mỹ Linh

Kế toán trưởng

Lâm Trúc Sơn

Cần Thơ, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		39.208.001.406	(11.563.567.811)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.138.331.239	923.580.223
Các khoản dự phòng	03		489.704.149	1.668.591.088
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(2.236.968.843)	(520.806.828)
Chi phí lãi vay	06		-	57.522.521
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		38.599.067.951	(9.434.680.807)
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09		(43.868.313.888)	(50.196.416.192)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(372.804.817)	(261.941.917)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11		17.228.252.769	76.710.315.739
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(190.415.714)	773.777.655
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(27.949.651)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(164.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.395.786.301	17.398.904.827
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.414.922.110)	(16.040.627.204)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(8.787.350.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		1.064.446.625	520.806.828
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.350.475.485)	(24.307.170.376)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		56.416.677.596	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(56.416.677.596)	(600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		10.045.310.816	(7.508.265.549)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	3.651.236.750	11.159.502.299
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	13.696.547.566	3.651.236.750

Cần Thơ, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Q. Tổng Giám đốc

Thái Thị Mỹ Linh

Lâm Trúc Sơn

Nguyễn Văn Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được Cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 19 tháng 04 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: số 02, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 157 người.

1.2 LĨNH VỰC, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**Lĩnh vực kinh doanh:**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyên cảng.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (kho ngoại quan);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Khai thuế hải quan;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ theo hợp đồng;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài;

1.3 CHU KỶ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng	Số 272 đường Cao Thắng, khóm 6, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Hoàng Diệu	27 đường Lê Hồng Phong, phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Cái Cui	số 02, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi Thông tư 200) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Văn phòng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Văn phòng Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được; Hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn. Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Văn phòng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã tính mà chỉ điều chỉnh mức khấu hao tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 47
- Máy móc, thiết bị	02 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 18
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06
- Tài sản cố định khác	02 - 14

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Văn phòng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

3.7 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ.
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

3.8 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

3.9 CHI PHÍ LÃI VAY

Chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.12 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	2.219.257.817	1.253.072.358
Tiền gửi ngân hàng	9.447.094.471	2.398.164.392
	13.696.547.566	3.651.236.750

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	137.003.048	-
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	61.602.271	-
- Các chi phí khác chờ phân bổ	75.400.777	-
Dài hạn	528.853.793	424.441.127
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	261.032.438	20.577.047
- Chi phí sửa chữa	169.580.946	138.108.644
- Các chi phí khác chờ phân bổ	98.240.409	265.755.436
	665.856.841	424.441.127

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	16.991.843.461	(1.196.324.235)	9.280.031.672	(725.250.393)
- Công ty TNHH Thạnh Phương	1.747.847.070	-	3.689.691.080	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Hàng hải Miền Bắc	1.378.397.670	(536.500.000)	1.473.000.000	(321.900.000)
- Các khách hàng khác	13.865.598.721	(659.824.235)	4.117.340.592	(403.350.393)
Dài hạn	-	-	-	-
	16.991.843.461	(1.196.324.235)	9.280.031.672	(725.250.393)
Phải thu là các bên liên quan	119.077.200	-	-	-
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	119.077.200	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	14.611.718.428	(58.471.002)	8.098.909.912	(39.840.695)
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	3.962.673.486	-	3.047.677.712	-
- Ký cược, ký quỹ	4.000.000	-	-	-
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	348.101.000	-	-	-
- Lãi dự thu - Ngân hàng TMCP Tiên Phong	485.350.619	-	-	-
- Phải thu lợi nhuận hợp tác kinh doanh Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	4.542.185.443	-	3.369.663.225	-
- Công ty TNHH Thạnh Phương	1.611.535.840	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	3.657.872.040	(58.471.002)	1.681.568.975	(39.840.695)
Dài hạn	63.485.000	-	63.485.000	-
- Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	15.000.000	-
- Các khoản phải thu khác	48.485.000	-	48.485.000	-
	14.675.203.428	(58.471.002)	8.162.394.912	(39.840.695)
Phải thu khác là các bên liên quan	4.890.286.443	-	3.369.663.225	-
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	348.101.000	-	-	-
- Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	4.542.185.443	-	3.369.663.225	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019			
	Giá gốc	Giá trích lập dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trích lập dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng	2.625.956.185	1.196.324.235	1.429.631.950	2.718.089.955	725.250.393	1.992.839.563
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Dầu tư Trường Sơn	1.378.397.670	585.265.720	793.131.950	1.170.531.440	351.159.432	819.372.008
- Công ty Cổ phần Cơ khí Hàng hải Miền Bắc	1.173.000.000	536.500.000	636.500.000	1.473.000.000	321.900.000	1.151.100.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	74.558.515	74.558.515	-	74.558.515	52.190.961	22.367.555
Phải thu khác	151.781.064	58.471.002	93.310.062	64.561.064	39.840.695	24.720.369
- Ông Phan Nguyễn Nhã Trúc	42.485.000	42.485.000	-	42.485.000	29.739.500	12.745.500
- Các khoản phải thu khác	109.296.064	15.986.002	93.310.062	22.076.064	10.101.195	11.974.869
Ứng trước cho Nhà cung cấp	903.500.000	903.500.000	-	903.500.000	903.500.000	-
- Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Miền Nam	278.000.000	278.000.000	-	278.000.000	278.000.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng Quân đô	625.500.000	625.500.000	-	625.500.000	625.500.000	-
Tổng Cộng	3.681.237.249	2.158.295.237	1.522.942.012	3.686.151.019	1.668.591.088	2.017.559.931

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	36.739.339	-
Hàng hóa	740.789.293	-	331.245.137	-
	740.789.293	-	367.984.476	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2019	7.019.750.001	349.738.708	7.771.584.695	34.000.000	48.200.000	15.223.273.404
- Mua trong năm	103.408.182	309.438.000	428.267.200	-	461.582.282	1.302.695.664
- Điều chuyển chi nhánh	(103.408.182)	(309.438.000)	(1.071.899.927)	-	(461.582.282)	(1.946.328.391)
31/12/2019	7.019.750.001	349.738.708	7.127.951.968	34.000.000	48.200.000	14.579.640.677
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2019	(1.489.020.516)	(34.315.907)	(4.516.907.590)	(24.366.681)	(16.927.395)	(6.081.538.089)
- Khấu hao trong năm	(250.181.088)	(34.973.868)	(792.533.419)	(6.800.004)	(3.442.860)	(1.087.931.239)
- Điều chuyển TSCĐ từ chi nhánh về Công ty	-	-	679.517.325	-	-	679.517.325
31/12/2019	(1.739.201.604)	(69.289.775)	(4.629.923.684)	(31.166.685)	(20.370.255)	(6.489.952.003)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2019	5.530.729.485	315.422.801	3.254.677.105	9.633.319	31.272.605	9.141.735.315
31/12/2019	5.280.548.397	280.448.933	2.498.028.284	2.833.315	27.829.745	8.089.688.674

Tại ngày 31/12/2019:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 38.977.093.837 đồng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2019	252.000.000	252.000.000
31/12/2019	<u>252.000.000</u>	<u>252.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2019	(176.400.000)	(176.400.000)
- Khấu hao trong năm	(50.400.000)	(50.400.000)
31/12/2019	<u>(226.800.000)</u>	<u>(226.800.000)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2019	<u>75.600.000</u>	<u>75.600.000</u>
31/12/2019	<u>25.200.000</u>	<u>25.200.000</u>

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công trình cảng Cái Cui	4.944.665.784	5.723.035.604
Công trình khác	292.454.546	780.994.473
	<u>5.237.120.330</u>	<u>6.504.030.077</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

		31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	
	8.787.350.000	8.787.350.000	8.787.350.000	8.787.350.000	
	8.787.350.000	8.787.350.000	8.787.350.000	8.787.350.000	

Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng (1)

(1) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 7%/năm tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	931.267.397	931.267.397	3.435.320.833	3.435.320.833
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Trí Việt	-	-	2.069.689.000	2.069.689.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Hiệp Phong	97.703.208	97.703.208	950.700.000	950.700.000
- Công ty TNHH Xây dựng Thủy lợi Cửu Long	833.564.189	833.564.189	-	-
- Đối tượng khác	-	-	414.931.833	414.931.833
Dài hạn	-	-	-	-
	931.267.397	931.267.397	3.435.320.833	3.435.320.833

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2019		31/12/2019	
	Giá trị VND	Số phải nộp trong năm VND	Giá trị VND	Số đã thực nộp trong năm VND
Thuế và các khoản phải nộp	-	-	-	-
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	1.679.264.378	1.080.145.504	599.118.874
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	6.397.350.312	6.397.350.312	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	108.492.414	108.492.414	-
	-	8.188.107.104	7.588.988.230	599.118.874

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	3.946.848.403	1.949.638.997
- Trích trước chi phí cước vận chuyển, bốc xếp	3.649.031.764	1.949.638.997
- Trích trước chi phí thuê kho	123.444.000	-
- Các khoản trích trước khác	174.372.639	-
Dài hạn	-	-
	3.946.848.403	1.949.638.997

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	165.840.000	-
- Doanh thu cho thuê kho, thuê văn phòng	165.840.000	-
Dài hạn	-	-
	165.840.000	-

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	6.647.410.711	27.511.189.628
- Phải trả về cổ phần hóa	-	59.550.560
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	51.500.000	125.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.595.910.711	27.326.639.068
+ Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	6.165.297.279	7.041.199.909
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	19.844.403.687
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	430.613.432	441.035.472
Dài hạn	20.484.202.102	20.023.518.102
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	460.684.000	-
- Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ - Vốn Ngân sách đầu tư	20.023.518.102	20.023.518.102
	27.131.612.813	47.534.707.730
Phải trả, phải nộp khác là các bên liên quan	6.165.297.279	7.041.199.909
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	6.165.297.279	7.041.199.909

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CẢN THỜ

Số 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2019		01/01/2019		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		Giá trị
Vay và nợ ngắn hạn	221.136.073	221.136.073	-	-	5.496.136.073	5.496.136.073
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>221.136.073</i>	<i>221.136.073</i>	-	-	<i>221.136.073</i>	<i>221.136.073</i>
- Công ty Cổ phần Căng Sài Gòn	221.136.073	221.136.073	-	-	221.136.073	221.136.073
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-	-	-	-	<i>5.275.000.000</i>	<i>5.275.000.000</i>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (1)	-	-	-	5.275.000.000	5.275.000.000	5.275.000.000
Vay và nợ dài hạn	75.217.321.528	75.217.321.528	75.217.321.528	51.141.677.596	51.141.677.596	51.141.677.596
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (1)	-	-	-	51.141.677.596	51.141.677.596	51.141.677.596
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (2)	75.217.321.528	75.217.321.528	75.217.321.528	-	-	-
Vay và nợ với bên liên quan	75.438.457.601	75.438.457.601	75.217.321.528	75.217.321.528	56.637.813.669	56.637.813.669
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	75.217.321.528	75.217.321.528	75.217.321.528	-	-	-
Công ty Cổ phần Căng Sài Gòn	221.136.073	221.136.073	-	-	221.136.073	221.136.073

(1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 03/2009/HĐTDDH/NHTMCPCTCD-VINALINES ký ngày 27/10/2009 với các điều khoản sau:

- Tổng số tiền cho vay: 253.684.000.000 đồng;
- Thời gian cho vay: 12 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Mục đích vay: Thanh toán các chi phí thực hiện bước 1 theo “Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình dự án Cái Cui - giai đoạn 2;
- Lãi suất: Áp dụng lãi suất thả nổi;
- Biện pháp đảm bảo: Toàn bộ tài sản theo dự án đầu tư cảng Cái Cui - giai đoạn 1 và các tài sản hình thành trong tương lai theo “Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình dự án Cái Cui - giai đoạn 2.

(2) Trong năm 2019, Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam đã thanh toán hộ Công ty toàn bộ khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương, bao gồm nợ gốc là 56.416.677.596 đồng và nợ lãi là 18.800.643.932 đồng theo Công văn số 323 ngày 25/09/2019 và Công văn 437/CCCT-TCKT ngày 24/12/2019 Công ty gửi cho Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2018	275.281.179.597	646.231.180	3.683.145.950	279.610.556.727
- Lỗi năm trước	-	-	(11.563.567.811)	(11.563.567.811)
31/12/2018	275.281.179.597	646.231.180	(7.880.421.861)	268.046.988.916
01/01/2019	275.281.179.597	646.231.180	(7.880.421.861)	268.046.988.916
- Lãi năm này	-	-	39.208.001.406	39.208.001.406
31/12/2019	275.281.179.597	646.231.180	31.327.579.545	307.254.990.322

20.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	272.566.179.597	272.566.179.597
Các cổ đông khác	2.715.000.000	2.715.000.000
	275.281.179.597	275.281.179.597

20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	275.281.179.597	275.281.179.597
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	275.281.179.597	275.281.179.597
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

20.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2019 CP	01/01/2019 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.528.118	27.528.118
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.528.118	27.528.118
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.528.118	27.528.118
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VNĐ/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.5 CÁC QUỸ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	646.231.180	646.231.180

21. DOANH THU BÁN HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	15.932.550.666	8.771.882.124
Doanh thu cung cấp dịch vụ	53.741.353.250	11.316.762.706
	69.673.903.916	20.088.644.830
Doanh thu với các bên liên quan	108.252.000	-
+ Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	108.252.000	-

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	15.172.471.318	10.683.015.901
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	10.861.210.104	6.044.037.116
	26.033.681.422	16.727.053.017

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	664.446.625	520.806.828
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.572.522.218	970.000.000
	2.236.968.843	1.490.806.828

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	57.522.521
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	2.500.000
	-	60.022.521

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	15.326.509.851	15.973.414.985
- Chi phí nhân viên quản lý	8.265.059.056	8.245.287.493
- Chi phí bằng tiền khác	7.061.450.795	7.728.127.492
Các khoản chi phí bán hàng	221.706.962	998.283.032
- Chi phí nhân viên bán hàng	89.128.560	59.419.040
- Chi phí khác	132.578.402	938.863.992
	15.548.216.813	16.971.698.017

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.089.581.941	-
Chi phí nhân công	11.757.855.981	8.245.287.493
Khấu hao tài sản cố định	1.182.183.948	923.580.223
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.916.852.572	4.128.097.366
Chi phí khác	7.891.929.632	6.135.398.506
	27.838.404.074	19.432.363.588

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Văn phòng Công ty chỉ thực hiện kinh doanh và theo dõi theo một bộ phận duy nhất là: kinh doanh dịch vụ cảng.

28. THÔNG TIN KHÁC

28.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2019	01/01/2019
Ngoại tệ các loại		
USD	773,25	773,25

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

28.2 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ với các bên liên quan có phát sinh trong năm 2019 bao gồm:

- | | |
|--|------------------------------|
| - Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam | Công ty mẹ |
| - Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn | Công ty liên doanh, liên kết |
| - Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn | Công ty có cùng Công ty mẹ |

Thu nhập Ban Giám đốc

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	768.000.000	1.225.000.000
Giao dịch với các bên liên quan		

	Năm 2019
	VND
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	
Doanh thu cho Tổng Công ty thuê bãi	108.252.000
Nhận tiền từ Tổng Công ty trả gốc và lãi vay ngân hàng	75.217.321.528
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	
Lợi nhuận được chia	1.572.522.218
Tiền lợi nhuận nhận về	400.000.000

28.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Văn phòng Công ty đã được kiểm toán. Trong năm 2018, Văn phòng Công ty đã điều chỉnh hồi tố số liệu, cụ thể như sau:

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		01/01/2019	
Chỉ tiêu	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)
TÀI SẢN			1.668.591.088
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	1.668.591.088	-	1.668.591.088
NGUỒN VỐN			(1.668.591.088)
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.949.638.997	-	1.949.638.997
Lợi nhuận chưa phân phối	(7.880.421.861)	(4.262.191.776)	(3.618.230.085)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

28.3 SÓ LIỆU SO SÁNH (TIẾP)

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Chỉ tiêu	Sau điều chỉnh	Trước điều	Số điều chỉnh
		chỉnh	Tăng(+)/ Giảm(-)
Giá vốn hàng bán	16.727.053.017	14.777.414.020	1.949.638.997
Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.973.414.985	14.304.823.897	1.668.591.088
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(11.563.567.811)	(7.945.337.726)	(3.618.230.085)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(11.563.567.811)	(7.945.337.726)	(3.618.230.085)

Người lập biểu



Thái Thị Mỹ Linh

Kế toán trưởng



Lâm Trúc Sơn

Cần Thơ, ngày 26 tháng 03 năm 2020
Q. Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Phương